**Mẫu số 3**

10/2019/TT-BKHCN

# THUYẾT MINH

# NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1**. **Tên nhiệm vụ**

***-*** *Tên tiếng Việt:*

*- Tên tiếng Anh:*

**2.****Lĩnh vực khoa học**

**3.****Thời gian thực hiện***: … tháng; Bắt đầu:…. Kết thúc…*

**4. Tổ chức chủ trì phía Việt Nam**

Tên tổ chức chủ trì: ................................................................................................................

Điện thoại: ...................................... Fax: ...............................................................................

E-mail: ....................................................................................................................................

Website: ..................................................................................................................................

Địa chỉ: ....................................................................................................................................

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:..................................................................................................

Số tài khoản: ...........................................................................................................................

Kho bạc nhà nước/Ngân hàng: ...............................................................................................

Tên cơ quan chủ quản của tổ chức: ........................................................................................

*Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức chủ trì:*

*...*

**5.****Chủ nhiệm nhiệm vụ phía Việt Nam**

Họ và tên:.................................................................................................................................

Ngày, tháng, năm sinh: ............................................... Nam/ Nữ: ..........................................

Học hàm, học vị, chuyên môn: ...............................................................................................

Chức danh nghiên cứu khoa học: .....................................Chức vụ: .......................................

Điện thoại: Cơ quan: ................................... Mobile: ............................................................

E-mail: ....................................................................................................................................

Lý lịch khoa học của chủ nhiệm theo ***Mẫu 5***

**6.Tổ chức phối hợp chính phía Việt Nam (nếu có)**

Điện thoại: ...................................... Fax: ...............................................................................

E-mail: ....................................................................................................................................

Website: .................................................................................................................................

Địa chỉ: ...................................................................................................................................

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.................................................................................................

Số tài khoản: ...........................................................................................................................

Ngân hàng: .............................................................................................................................

**7. Tổ chức chủ trì phía đối tác nước ngoài**

Tên tổ chức chủ trì: ................................................................................................................

Điện thoại: ...................................... Fax: ...............................................................................

E-mail: ....................................................................................................................................

Website: ..................................................................................................................................

Địa chỉ: ....................................................................................................................................

Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức chủ trì phía đối tác nước ngoài

**8. Chủ nhiệm nhiệm vụ phía đối tác nước ngoài**

Họ và tên:................................................................................................................................

Ngày, tháng, năm sinh: ............................................... Nam/ Nữ: .........................................

Học hàm, học vị, chuyên môn: ...............................................................................................

Chức danh nghiên cứu khoa học:..........................................Chức vụ: ...................................

Điện thoại: Cơ quan: ........................................ Mobile: .......................................................

E-mail: ....................................................................................................................................

Tóm tắt lý lịch khoa học của chủ nhiệm nhiệm vụ phía đối tác

**9. Các cá nhân chính thực hiện nhiệm vụ phía Việt Nam** *(Ghi rõ họ tên, học hàm, học vị, đơn vị công tác, chức danh thực hiện nhiệm vụ; Lý lịch khoa học của các thành viên này gửi kèm theo Thuyết minh)*

*-*

*-*

**II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**10. Mục tiêu**

**-**

**-**

...

**11. Tình trạng**

Mới

Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả

Kế tiếp nghiên cứu của người khác

**12. Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, những khó khăn, thách thức về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong nước[[1]](#footnote-1)**

- Phân tích, đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu ở trong và ngoài nước (có trích dẫn các công trình nghiên cứu có liên quan đến nhiệm vụ);

- Phân tích, đánh giá tổng quan về tầm quan trọng, ý nghĩa kinh tế - xã hội của vấn đề cần nghiên cứu;

- Nêu và đánh giá cụ thể những khó khăn, thách thức trong nước đang gặp phải trong quá trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề của nhiệm vụ;

- Nêu và đánh giá việc với năng lực, kinh nghiệm, tiềm lực/thế mạnh của đối tác sẽ giúp giải quyết khó khăn trong nước đang gặp phải trong quá trình nghiên cứu và phát triển nội dung của nhiệm vụ; kết quả nghiên cứu của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ liên quan đến nhiệm vụ.

**13. Các nội dung nghiên cứu và triển khai của phía Việt Nam**

*(Liệt kê và mô tả các nội dung nghiên cứu và triển khai trong nước, mỗi công việc cần mô tả thông tin cụ thể về:*

*- Nội dung, công việc chủ yếu cần thực hiện, dự kiến thời gian bắt đầu và kết thúc;*

*- Kết quả phải đạt;*

*- Dự kiến số ngày công quy đổi và kinh phí nhân công tương ứng;*

*- Dự kiến một số nguyên, vật liệu chính và kinh phí dành cho nguyên vật liệu tương ứng;*

*- Dự kiến thiết bị, máy móc cần mua và kinh phí dành cho thiết bị, máy móc tương ứng.)*

**Nội dung 1 :** ........................................................................

Công việc 1: ........................................................................

Công việc 2: ........................................................................

..............................................................................................

**Nội dung 2:** .........................................................................

Công việc 1: ........................................................................

Công việc 2: ........................................................................

**14. Các nội dung phối hợp nghiên cứu với đối tác nước ngoài**

*(Liệt kê và mô tả những nội dung hợp tác với đối tác nước ngoài, mỗi công việc cần mô tả thông tin cụ thể về:*

* *Nội dung, công việc chủ yếu cần thực hiện, dự kiến thời gian bắt đầu và kết thúc;*
* *Kết quả phải đạt;*
* *Dự kiến số ngày công quy đổi và kinh phí nhân công tương ứng;*
* *Dự kiến một số nguyên, vật liệu chính và kinh phí dành cho nguyên vật liệu tương ứng;*
* *Dự kiến thiết bị, máy móc cần mua và kinh phí dành cho thiết bị, máy móc tương ứng.)*

**Nội dung 3 :** ........................................................................

Công việc 1: ........................................................................

Công việc 2: ........................................................................

..............................................................................................

**Nội dung 4:** .........................................................................

Công việc 1: ........................................................................

Công việc 2: ........................................................................

..............................................................................................

**15. Các nội dung hoàn thiện và làm chủ kết quả**

*(Liệt kê và mô tả những nội dung nghiên cứu và triển khai để hoàn thiện và làm chủ kết quả hợp tác với đối tác nước ngoài, mỗi công việc cần mô tả thông tin cụ thể về:*

* *Nội dung, công việc chủ yếu cần thực hiện, dự kiến thời gian bắt đầu và kết thúc;*
* *Kết quả phải đạt;*
* *Dự kiến số ngày công quy đổi và kinh phí nhân công tương ứng;*
* *Dự kiến một số nguyên, vật liệu chính và kinh phí dành cho nguyên vật liệu tương ứng;*
* *Dự kiến thiết bị, máy móc cần mua và kinh phí dành cho thiết bị, máy móc tương ứng.)*

**Nội dung 5 :** ........................................................................

Công việc 1: ........................................................................

Công việc 2: ........................................................................

..............................................................................................

**Nội dung 6:** .........................................................................

Công việc 1: ........................................................................

Công việc 2: ........................................................................

..............................................................................................

**16. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng**

*(Luận cứ rõ cách tiếp cận, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng, so sánh với các phương thức giải quyết tương tự khác, nêu được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của nhiệm vụ)*

**17. Tiến độ thực hiện** *(Áp dụng đối với thuyết minh khi thẩm định kinh phí)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các nội dung, công việc**  **chủ yếu cần được thực hiện** | **Kết quả phải đạt** | **Thời gian**  **(bắt đầu - kết thúc)** | **Cá nhân, cơ quan thực hiện** |
| **I** | **Nội dung 1:** | | | |
| 1 | - Công việc 1  1.1  1.2  … |  |  |  |
| 2 | - Công việc 2  2.1  2.2  … |  |  |  |
| ... | ... |  |  |  |
| **2** | **Nội dung 2:** | | | |
| 1 | - Công việc 1  1.1  1.2  … |  |  |  |
| 2 | - Công việc 2  1.1  1.2  … |  |  |  |
| ... | ... |  |  |  |
| **…** | **Nội dung n** | | | |
| 1 | - Công việc 1  1.1  1.2  …. |  |  |  |
| 2 | - Công việc 2  1.1  1.2  … |  |  |  |
| ... | ... |  |  |  |

**III. KẾT QUẢ**

**18. Sản phẩm chính và yêu cầu chất lượng cần đạt**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dạng 1:** Mẫu; sản phẩm (*là hàng hóa có thể tiêu thụ trên thị trường*); vật liệu; thiết bị; máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi; các loại khác | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm** | **Đơn vị đo** | **Mức chất lượng** | | | **Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra** |
| **Cần đạt**  *(nêu cụ thể)* | **Mẫu tương tự (theo các tiêu chuẩn mới nhất)** | |
| **Trong nước** | **Thế giới** |
| I | ii | iii | iv | v | vi | vii |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| ... | ... |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dạng 2:** Nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (*phương pháp, quy trình, mô hình, ..*.); đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi; và các sản phẩm khác | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Yêu cầu khoa học cần đạt**  *(nêu cụ thể)* | | | | **Ghi chú** | |
| i | ii | iii | | | | iv | |
| 1 |  |  | | | |  | |
| 2 |  |  | | | |  | |
| ... | ... |  | | | |  | |
| **Dạng 3:** Bài báo; sách chuyên khảo | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | **Dự kiến nơi công bố**  (*Tạp chí, nhà xuất bản*) | | | **Ghi chú** |
| i | ii | iii | iv | v | | | vi |
| 1 |  |  |  |  | | |  |
| 2 |  |  |  |  | | |  |
| ... | ... |  |  |  | | |  |
| **Dạng 4:** Đào tạo nguồn nhân lực | | | | | | | |
| **TT** | **Cấp đào tạo** | **Số lượng người/**  **thời gian đào tạo** | | | **Chuyên ngành/**  **nội dung đạo tạo** | | **Tại nước** |
| i | ii | iii | | | iv | | v |
| Đào tạo dài hạn | | | | | | | |
| 1 | Tiến sỹ |  | | |  | |  |
| 2 | Thạc sỹ |  | | |  | |  |
| 3 | Cử nhân |  | | |  | |  |
| 4 | Chứng chỉ khác |  | | |  | |  |
| Đào tạo/trao đổi cán bộ, chuyên gia | | | | | | | |
| 1 | Trên 1 tháng |  | | |  | |  |
| 2 | Dưới 1 tháng |  | | |  | |  |
| **Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ** | | | | | | | |
|  | | | | | | | |

**19. Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu, khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu[[2]](#footnote-2)**

- Tác động đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan, đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu, đối với kinh tế - xã hội và môi trường

- Mô tả khả năng về thị trường *(Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường)*, khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh *(khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)* phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả*,* khả năng liên kết với các doanh nghiệp trong và sau khi hoàn thành nghiên cứu, phương thức chuyển giao *(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra, ...)*

**IV. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ NGUỒN KINH PHÍ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **20** | **Kinh phí phía Việt Nam** (*triệu đồng*) | | | | | | | | |
| **TT** | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Trong đó** | | | | | | |
| **Công lao động[[3]](#footnote-3)** | **Nguyên vật liệu, năng lượng** | | **Thiết bị, máy móc** | | **Hợp tác quốc tế** | **Chi khác** |
| i | ii | iii | iv | v | | vi | | vii | viii |
| 1 | Ngân sách SNKH |  |  |  | |  | |  |  |
| 2 | Nguồn tự có |  |  |  | |  | |  |  |
| 3 | Nguồn vốn khác |  |  |  | |  | |  |  |
| ***Tổng cộng*** | |  |  |  | |  | |  |  |
| **21** | **Dự kiến kinh phí của đối tác nước ngoài** | | | | | | | | |
| * Đối ứng từ chính phủ: ...................... USD * Nguồn tự có của đối tác: ...................... USD * Nguồn vốn khác: ...................... USD | | | | | | | | | |
| TT | Cụ thể các mục chi mà Việt Nam được thụ hưởng | | | | Số lượng | | Thành tiền | | |
| 1 | Đào tạo cán bộ, nghiên cứu sinh, sinh viên Việt Nam | | | |  | |  | | |
| 2 | Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, triển lãm, ... | | | |  | |  | | |
| 3 | Chi phi đi lại quốc tế cho cán bộ Việt Nam | | | |  | |  | | |
| 4 | Chi phí phân tích mẫu, trang thiết bị thụ hưởng | | | |  | |  | | |
| 5 | Phần mềm tin học, tài liệu, ấn phẩm KH&CN, ... | | | |  | |  | | |
| 6 | Khác | | | |  | |  | | |
| ***Tổng cộng*** | | | | |  | |  | | |

……., ngày.....tháng.....năm.....

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức chủ trì**  *(Ký tên, đóng dấu)* |  | **Chủ nhiệm nhiệm vụ**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Phụ lục 1 *(Áp dụng đối với thuyết minh khi thẩm định kinh phí)***

**DỰ TOÁN KINH PHÍ**

Đơn vị: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Nội dung các**  **khoản chi** | **Tổng kinh phí** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng số** | | **Năm thứ nhất** | | **Năm thứ hai** | | **Năm thứ ba** | | **Tổng số** | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định |
| *1* | *2* | *3* | *4=(6+8+10)* | *5=(7+9+11)* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| 1 | **Công lao động *(khoa học, phổ thông)*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **Nguyên vật liệu, năng lượng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | **Thiết bị, máy móc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | **Hợp tác quốc tế *(đoàn ra, đoàn vào, hội nghị, hội thảo quốc tế)*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | **Chi khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

### Phụ lục 2 *(Áp dụng đối với thuyết minh khi thẩm định kinh phí)*

### GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

**Khoản I.TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG LAO ĐỘNG (khoa học và phổ thông)**Đơn vị: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Chức danh** | **Tổng số người** | **Tổng số ngày công quy đổi** | **Tổng kinh phí** | |
| **Ngân sách nhà nước** | **Ngoài ngân sách nhà nước** |
| 1 | Chủ nhiệm đề tài |  |  |  |  |
| 2 | Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học |  |  |  |  |
| 3 | Thành viên |  |  |  |  |
| 4 | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | |  |  |  |  |

# Khoản II. DỰ TOÁN CHI TIẾT CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP *(Áp dụng đối với thuyết minh khi thẩm định kinh phí)*

# Đơn vị tính: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung công việc1** | | | **Chức danh nghiên cứu2** | **Tổng số người thực hiện** | **Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)3** | **Số ngày công quy đổi**  **(Snc)4** | **Tổng kinh phí**  **(Tc)** | | **Nguồn vốn** | | | | | |
| **Ngân sách**  **nhà nước** | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | |
| **Nội dung công việc** | | |
|  |  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* | | | *3* | *4* | *5* | *6* | 7=5x6x**Lcs5** | | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| **1** | **Nghiên cứu và triển khai trong nước** | | |  | | | | | | | | | | | |
|  | 1.1. Công việc 1: | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …………….. | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Hợp tác nghiên cứu với đối tác nước ngoài** | | |  | | | | | | | | | | | |
|  | 2.1. Công việc 1: | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ………………………. | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***3*** | **Hoàn thiện và làm chủ kết quả** | | |  | | | | | | | | | | | |
| 3.1. Công việc 1: | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ……… |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | | | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |
| --- |
| 1. Dự toán theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và phù hợp với mục 15,16,17 của thuyết minh.  2.Thành viên thực hiện phải là các cán bộ có tên tại mục 9 và phù hợp với nội dung thực hiện được phân công nêu tại mục 18 của thuyết minh.  3*.* Theo quy định tại bảng 1 điểm b khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.  4. “Hstcn” đươc xác định và tính theo quy định tại bảng 1 điểm b, khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.  5. “Snc” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.  6. Lcs Lương cơ sở do Nhà nước quy định; dự toán tiền công lao đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. |

**Khoản III. NGUYÊN VẬT LIỆU, NĂNG LƯỢNG (*Áp dụng đối với thuyết minh khi thẩm định kinh phí*)**

Đơn vị: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng số** | | **Năm thứ nhất** | | **Năm thứ hai** | | **Năm thứ ba** | | **Tổng**  **số** | Năm  thứ nhất | Năm  thứ hai | Năm  thứ ba |
| Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* |
| **I** | **Nội dung 1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***I.1*** | ***Công việc 1*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Nguyên vật liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Dụng cụ, phụ tùng thí nghiệm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Năng lượng, nhiên liệu thiết yếu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Sách, tài liệu, số liệu thiết yếu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***I.2*** | ***Công việc 2*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Nguyên vật liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Dụng cụ, phụ tùng thí nghiệm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |
| --- |
| 1. Trường hợp đã có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật (nêu tên văn bản dùng làm căn cứ) và báo giá kèm theo.- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước. 2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trù mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi. |

**Khoản IV. THIẾT BỊ, MÁY MÓC[[4]](#footnote-4) *(Áp dụng đối với thuyết minh khi thẩm định kinh phí)*** Đơn vị: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng số** | | **Năm thứ nhất** | | **Năm thứ hai** | | **Năm thứ ba** | | **Tổng**  **số** | Năm  thứ nhất | Năm  thứ hai | Năm  thứ ba |
| Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* |
| **I** | **Nội dung 1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***I.1*** | ***Công việc 1*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Mua thiết bị, công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Thuê thiết bị (ghi rõ tên thiết bị và thời gian thuê) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Vận chuyển lắp đặt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***I.2*** | ***Công việc 2*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản V. HỢP TÁC QUỐC TẾ *(Áp dụng đối với thuyết minh khi thẩm định kinh phí)***

Đơn vị: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **SốTT** | **Nội dung** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng** | | **Năm thứ nhất** | | **Năm thứ hai** | | **Năm thứ ba** | | **Tổng** | Năm thứ  nhất | Năm thứ  hai | Năm thứ  ba |
| Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |  |  |  |  |
| **4.1** | **Đoàn ra (đi trao đổi, phân tích mẫu, học tập, nghiên cứu, thực tập, ...)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Đoàn 1: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *+* | *Chi tiết tiền vé máy bay, tiền ăn ở, đi lại, và các chi phí có liên quan khác* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Đoàn...: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *+* | *Chi tiết tiền vé máy bay, tiền ăn ở, đi lại, và các chi phí có liên quan khác* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4.2** | **Đoàn vào (nghiên cứu, hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo, ...)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Đoàn 1: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *+* | *Chi tiết tiền vé máy bay, tiền ăn ở, đi lại, và các chi phí có liên quan khác* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Đoàn...: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *+* | *Chi tiết tiền vé máy bay, tiền ăn ở, đi lại, và các chi phí có liên quan khác* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4.3** | **Hội nghị, hội thảo quốc tế** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Hội thảo 1: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian )+ (số người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *+* | *Dự toán chi tiết các chi phí có liên quan đến tổ chức hội nghị, hội thảo* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Hội thảo …: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *+* | *Dự toán chi tiết các chi phí có liên quan đến tổ chức hội nghị, hội thảo* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4.4** | **Khác[[5]](#footnote-5)\*\*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *+* | *Thuê chuyên gia nước ngoài, phân tích mẫu ở nước ngoài, ...* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản VI*.* CHI KHÁC(*Áp dụng đối với thuyết minh khi thẩm định kinh phí*)**

Đơn vị: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **SốTT** | **Nội dung** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng** | | **Năm thứ nhất** | | **Năm thứ hai** | | **Năm thứ ba** | | **Tổng** | Năm thứ  nhất | Năm thứ  hai | Năm thứ  ba |
| Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |  |  |  |  |
| **5.1** | **Công tác phí trong nước** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Chuyến 1: (Nội dung, địa điểm, thời gian, số người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Chuyến 2: (Nội dung, địa điểm, thời gian, số người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5.2** | **Hội nghị, hội thảo, tập huấn ngắn hạn trong nước** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Hội thảo 1: (Nội dung, địa điểm, thời gian, số người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Hội thảo 2: (Nội dung, địa điểm, thời gian, số người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5.3** | **Kinh phí quản lý (***của tổ chức chủ trì, hoặc tổ chức được thuê quản lý nhiệm vụ****)*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5.4** | **Chi phí đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu cơ sở** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5.5** | **Phụ cấp chủ nhiệm** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5.6** | **Chi khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | In ấn tài liệu, văn phòng phẩm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Dịch tài liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1. Đối với những nghiệm vụ Nghị định thư trong đó Việt Nam hỗ trợ đối tác nước ngoài có quan hệ truyền thống đặc biệt, Mục này sẽ nêu và đánh giá cụ thể những thành tựu, thế mạnh của đối tác trong nước đối với những lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ; đánh giá cụ thể những khó khăn, thách thức mà đối tác nước ngoài đang gặp phải trong quá trình nghiên cứu và triển khai về lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với đối tác nước ngoài có quan hệ truyền thống đặc biệt: nêu tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu, khả năng ứng dụng, phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu cho đối tác nước ngoài [↑](#footnote-ref-2)
3. *\*Khoa học, phổ thông* [↑](#footnote-ref-3)
4. Nêu rõ thông số kỹ thuật [↑](#footnote-ref-4)
5. \*\*Trong một số trường hợp có nội dung tài chính đặc biệt, cần có sự thẩm định của hội đồng tư vấn do Bộ KH&CN thành lập và các cấp có thẩm quyền liên quan [↑](#footnote-ref-5)